

## BẢNG TÓM TẮT QUYỀN LỢI VÀ CHÀO PHÍ BẢO HIỂM

SẢN PHẨM BẢO HIỂM SỨC KHỎE BẢO VIỆT AN GIA  
BẢO HIỂM GỐC: TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	ĐỒNG	BẠC	VÀNG	BẠCH KIM	KIM CƯƠNG
<b>A. ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM CHÍNH – Điều trị nội trú do ốm bệnh, tai nạn</b>					
Tổng hạn mức quyền lợi bảo hiểm chính/ng/năm	93.800.000 /ng/năm	137.600.000 /ng/năm	230.000.000 /ng/năm	342.000.000 /ng/năm	454.000.000 /ng/năm
Phạm vi lãnh thổ	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam
<b>1. Chi phí nằm viện</b> - Chi phí phòng, giường bệnh - Chi phí phòng chăm sóc đặc biệt - Các chi phí bệnh viện tổng hợp	2.000.000/ngày Lên đến 40.000.000/năm, không quá 60 ngày/năm.	3.000.000/ngày Lên đến 60.000.000/năm không quá 60 ngày/năm	5.000.000/ngày Lên đến 100.000.000/năm không quá 60 ngày/năm	7.500.000/ngày Lên đến 150.000.000/năm không quá 60 ngày/năm	10.000.000/ngày Lên đến 200.000.000/ năm không quá 60 ngày/năm
2. Chi phí khám và điều trị trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện	2.000.000/năm	3.000.000/năm	5.000.000/năm	7.500.000/năm	10.000.000/năm
3. Chi phí tái khám và điều trị trong vòng 30 ngày sau khi xuất viện	2.000.000/năm	3.000.000/năm	5.000.000/năm	7.500.000/năm	10.000.000/năm
4. Dịch vụ xe cứu thương, xe cấp cứu bằng đường bộ	5.000.000/năm	5.000.000/năm	10.000.000/năm	10.000.000/năm	10.000.000/năm
5. Chi phí Phẫu thuật (không bảo hiểm chi phí mua các bộ phận nội tạng và chi phí hiển các bộ phận nội tạng)	40.000.000/năm	60.000.000/năm	100.000.000/năm	150.000.000/năm	200.000.000/năm
6. Phục hồi chức năng	4.000.000/năm	6.000.000/năm	10.000.000/năm	15.000.000/năm	20.000.000/năm
7. Trợ cấp bệnh viện công	80.000/ ngày Không quá 60 ngày/năm	120.000/ngày Không quá 60 ngày/năm	200.000/ngày Không quá 60 ngày/năm	300.000/ngày Không quá 60 ngày/năm	400.000/ngày Không quá 60 ngày/năm
8. Trợ cấp mai táng phí trong trường hợp tử vong tại bệnh viện	500.000/vụ	500.000/vụ	500.000/vụ	500.000/vụ	500.000/vụ
<b>B. ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM BỔ SUNG</b>					
1. Điều trị ngoại trú do ốm bệnh, tai nạn	6.000.000/năm	6.000.000/năm	6.000.000/năm	10.000.000/năm	15.000.000/năm
• Giới hạn /lần khám	1.200.000/lần Không quá 10 lần/năm	1.200.000/lần Không quá 10 lần/năm	1.200.000/lần Không quá 10 lần/năm	2.000.000/lần Không quá 10 lần/năm	3.000.000/lần Không quá 10 lần/năm
• Điều trị vật lý trị liệu	50.000/ngày Không quá 60 ngày/năm	50.000/ngày Không quá 60 ngày/năm	50.000/ngày Không quá 60 ngày/năm	100.000/ngày Không quá 60 ngày/năm	150.000/ngày Không quá 60 ngày/năm
2. Bảo hiểm Tai nạn cá nhân STBH /người/năm	Tối đa 1 tỷ đồng	Tối đa 1 tỷ đồng	Tối đa 1 tỷ đồng	Tối đa 1 tỷ đồng	Tối đa 1 tỷ đồng
3. Bảo hiểm Sinh mạng cá nhân STBH/người/vụ	Tối đa 1 tỷ đồng	Tối đa 1 tỷ đồng	Tối đa 1 tỷ đồng	Tối đa 1 tỷ đồng	Tối đa 1 tỷ đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VIETLIFE**

<b>4. Bảo hiểm Nha khoa</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Khám và chẩn đoán bệnh về răng</li> <li>Lấy cao răng</li> <li>Trám răng bằng các chất liệu thông thường</li> <li>Nhổ răng bệnh lý</li> <li>Lấy u vô răng (lấy vô răng sâu dưới nướu)</li> <li>Phẫu thuật cắt chóp răng</li> <li>Chữa tủy răng</li> <li>Điều trị viêm nướu, viêm nha chu</li> </ul>	2.000.000/năm 1.000.000/lần khám	2.000.000/năm 1.000.000/lần khám	5.000.000/năm 2.500.000/lần khám	10.000.000/năm 5.000.000/lần khám	15.000.000/năm 7.500.000/lần khám
<b>5. Bảo hiểm Thai sản</b>	Không	Không	Không	21.000.000/năm	31.500.000/năm

**QUY ĐỊNH ĐỒNG CHI TRẢ ĐỐI VỚI TRẺ EM TỪ 15 NGÀY TUỔI ĐẾN 3 TUỔI**

- a. Tỷ lệ áp đồng chi trả : 70/30 ( Bảo Việt chi trả 70%, Người được bảo hiểm tự chi trả 30%)
- b. Quy định này không áp dụng trong trường hợp Người được bảo hiểm khám và điều trị tại các cơ sở y tế/bệnh viện công lập ( trừ các khoa điều trị tự nguyện/điều trị theo yêu cầu của Bệnh viện công lập)
- c. Trẻ em từ 15 ngày tuổi đến 12 tháng tuổi chỉ tham gia được chương trình Bạch kim hoặc Kim Cương cùng với Bố hoặc mẹ. Phí bảo hiểm áp dụng bằng 150% so với độ tuổi từ 01 tuổi đến 03 tuổi

CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI CHÍNH Điều trị nội trú do ốm bệnh, tai nạn					QUYỀN LỢI BỔ SUNG 1.Điều trị ngoại trú do ốm bệnh, tai nạn				
	Đồng	Bạc	Vàng	Bạch Kim	Kim Cương	Đồng	Bạc	Vàng	Bạch Kim	Kim Cương
Từ 1 đến 3 tuổi	2.585.000	3.707.000	5.616.000	7.582.000	9.267.000	3.370.000	3.370.000	3.370.000	5.516.000	8.424.000
Từ 4 đến 6 tuổi	1.450.000	2.081.000	3.153.000	4.257.000	5.203.000	1.900.000	1.900.000	1.900.000	3.153.000	4.730.000
Từ 7 đến 9 tuổi	1.320.000	1.900.000	2.867.000	3.870.000	4.730.000	1.720.000	1.720.000	1.720.000	2.867.000	4.300.000
Từ 10 đến 18 tuổi	1.255.800	1.801.800	2.730.000	3.685.500	4.504.500	1.638.000	1.638.000	1.638.000	2.730.000	4.095.000
Từ 19 đến 30 tuổi	1.196.000	1.716.000	2.600.000	3.510.000	4.290.000	1.560.000	1.560.000	1.560.000	2.600.000	3.900.000
Từ 31 đến 40 tuổi	1.315.600	1.887.600	2.860.000	3.861.000	4.719.000	1.716.000	1.716.000	1.716.000	2.860.000	4.290.000
Từ 41 đến 50 tuổi	1.375.400	1.973.400	2.990.000	4.036.500	4.933.500	1.794.000	1.794.000	1.794.000	2.990.000	4.485.000
Từ 51 đến 60 tuổi	1.435.200	2.059.200	3.120.000	4.212.000	5.148.000	1.872.000	1.872.000	1.872.000	3.120.000	4.680.000
Từ 61 đến 65 tuổi	1.554.800	2.230.800	3.380.000	4.563.000	5.577.000	2.028.000	2.028.000	2.028.000	3.380.000	5.070.000

QUYỀN LỢI BỔ SUNG		Đồng	Bạc	Vàng	Bạch Kim	Kim Cương
<b>2.BH Tai nạn cá nhân</b>		0,09% STBH	0,09% STBH	0,09% STBH	0,09% STBH	0,09% STBH
<b>3.BH Sinh mạng cá nhân</b>		0,2% STBH	0,2% STBH	0,2% STBH	0,2% STBH	0,2% STBH
<b>4.Bảo hiểm Nha khoa</b>	Từ 1 đến 18 tuổi	600.000	600.000	1.500.000	2.600.000	3.900.000
	Từ 19 đến 65 tuổi	490.000	490.000	1.200.000	2.000.000	3.000.000
<b>5.Bảo hiểm Thai sản</b>	Từ 18-65 tuổi	Không	Không	Không	4.800.000	5.500.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VIETLIFE**

## MỘT SỐ KHÁI NIỆM

### 1. Bệnh/thương tật có sẵn

Là bệnh hoặc thương tật có từ trước ngày bắt đầu được nhận bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm và là bệnh/thương tật mà Người được bảo hiểm:

- Đã phải điều trị trong vòng 03 năm gần đây.
- Là bất cứ tình trạng sức khỏe đã được chẩn đoán; triệu chứng bệnh/thương tật đã xảy ra/xuất hiện trước ngày ký hợp đồng mà Người được bảo hiểm đã biết hoặc ý thức được cho dù Người được bảo hiểm có thực sự khám, điều trị hay không

### 2. Bệnh đặc biệt:

Theo Quy tắc bảo hiểm này, những bệnh sau đây được hiểu là bệnh đặc biệt

- Bệnh hệ thần kinh:** Các bệnh viêm hệ thần kinh trung ương (não), teo hệ thống ảnh hưởng lên hệ thần kinh trung ương (bệnh Huntington, mất điều vận động di truyền, teo cơ cột sống và hội chứng liên quan), rối loạn vận động ngoài tháp (Parkinson, rối loạn trương lực cơ, rối loạn vận động và ngoại tháp khác), Alzheimer, hội chứng Apallic/mất trí nhớ, động kinh, hôn mê, các bệnh bại não và hội chứng liệt khác.
- Bệnh hệ hô hấp:** Bệnh suy phổi, tràn khí phổi.
- Bệnh hệ tuần hoàn:** Bệnh tim, tăng/cao huyết áp, tăng áp lực động mạch vô căn, các bệnh mạch máu não/đột quỵ và các hậu quả/di chứng của bệnh này.
- Bệnh hệ tiêu hóa:** Viêm gan A,B,C, xơ gan, suy gan, sỏi mật
- Bệnh hệ tiết niệu:** Bệnh của cầu thận, ống thận, sỏi thận và niệu quản, sỏi đường tiết niệu dưới, suy thận
- Bệnh hệ nội tiết:** Rối loạn tuyến giáp, đái tháo đường và nội tiết tuyến tụy, tuyến thượng thận, hôn mê, rối loạn các tuyến nội tiết khác.
- Bệnh khối U:** Khối U/bướu lành tính các loại
- Bệnh của máu:** Rối loạn đông máu, rối loạn chức năng của bạch cầu đa trung tính, bệnh liên quan mô lưới bạch huyết và hệ thống lưới mô bào, ghép tủy
- Bệnh của da và mô liên kết:** Bệnh Lupus ban đỏ, xơ cứng bì toàn thân, xơ cứng rải rác, xơ cứng biểu bì tiến triển/cột bên teo cơ, loạn dưỡng cơ và biến chứng của các bệnh này, Penphigus, vẩy nến, mê đay dị ứng mãn (có điều trị bằng kháng nguyên của nước ngoài).

### 3. Thời gian chờ:

- 30 ngày đối với trường hợp ốm đau, bệnh tật (bao gồm cả thời gian phát bệnh cho đến khi kết thúc đợt điều trị/tính theo thời điểm có bệnh, không tính theo thời điểm điều trị).
- 90 ngày đối với biến chứng thai sản như định nghĩa kể từ ngày tham gia bảo hiểm.
- 01 năm đối với bệnh có sẵn và các bệnh được liệt kê tại Điểm loại trừ chung số 36 của Quy tắc bảo hiểm này.
- 01 năm đối với bệnh đặc biệt theo định nghĩa.
- 06 tháng đối với trẻ em đến 6 tuổi : bệnh viêm phế quản, tiêu phế quản, viêm phổi các loại
- Thai sản : Quyền lợi này chỉ được chi trả với điều kiện việc thụ thai bắt đầu sau 12 tháng kể từ ngày quyền lợi bảo hiểm này bắt đầu được áp dụng (căn cứ vào kỳ kinh cuối).
- Đối với các trường hợp tái tục liên tục không áp dụng thời gian chờ

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VIETLIFE

VPHN: Tầng 5, Tòa nhà H&N, Đ. Hoàng Quốc Việt, Q. Cầu Giấy, Hà Nội  
T: (+84) 4 3791 8661 | F: (+84) 4 3791 8662

E: info@vietlife.com.vn  
W: www.vietlife.com.vn  
H: 1900 56 56 38

VPHCM: Số 145 Đinh Bộ Lĩnh, P.26, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh | F: (+84) 8 3911 2260  
T: (+84) 35110780 - 35110781 - 35110680 - 35110681